

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Tơ, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Nối tiếp đường BTXM UBND xã đi Làng Vờ tại Km4+251,00 đến
suối nước Xóc thôn Làng Vờ; Hạng mục: Nền, mặt đường – Thoát nước;
Lý trình: Km4+251.0 -:- Km4+581.39m (L=336,39m)
Địa điểm xây dựng: Xã Ba Nam, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2025/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về một số nội dung quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021-2025; nguồn vốn: Ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ; nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Thông báo số 146/TB-KT&HT ngày 05/6/2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo

Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nối tiếp đường BTXM UBND xã đi Làng Vờ tại Km4+251,00 đến suối nước Xốc thôn Làng Vờ; Hạng mục: Nền, mặt đường – Thoát nước; Lý trình: Km4+251.0 đến Km4+581.39m (L=336,39m); Địa điểm xây dựng: Xã Ba Nam, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình như sau:

1. Tên công trình: Nối tiếp đường BTXM UBND xã đi Làng Vờ tại Km4+251,00 đến suối nước Xốc thôn Làng Vờ;
 - a) Hạng mục: Nền, mặt đường – Thoát nước;
 - b) Lý trình: Km4+251.0 -:- Km4+581.39m (L=336,39m)
2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông; cấp IV.
3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ.
4. Chủ đầu tư: UBND xã Ba Nam
5. Địa điểm xây dựng: Xã Ba Nam, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **1.056.000.000đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn.)
7. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng
 - a) Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Quy trình khảo sát đường ô tô	22 TCN 263-2000
2	Công tác trắc địa trong xây dựng-Yêu cầu chung	TCVN 9398-2012
3	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình của Cục đo đạc bản đồ Nhà nước	96 TCN 43-90
4	Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	22TCN 220-95
5	Quy trình khảo sát thủy văn	22TCN 27-84.
6	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	22TCN 259-2000.
7	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401 - 2012

b) Quy trình thiết kế, thi công

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Đường Ô tô, yêu cầu thiết kế	TCVN 4054 - 2005
2	Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (phần nút giao)	22 TCN 273 - 01
3	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông được ban hành tại Quyết định số 2231/QĐ-TCĐBVN ngày 11/5/2022	TCCS 40: 2022/ TCĐBVN
4	Tiêu chuẩn cơ sở Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng	TCCS 39:2022/ TCĐBVN

	công trình giao thông	
5	Tiêu chuẩn thiết kế áo đường cứng	22 TCN 223-95
6	Qui phạm thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn	22 TCN 18-79
7	Qui trình thiết kế cầu	22 TCN 272-05
8	Thiết kế điển hình cống tròn	533-01-01, 533-01-02
9	Thiết kế điển hình cống vuông	86 - 04 X, 86 - 05 X.
10	Cống tròn bê tông cốt thép lắp ghép	22 TCN 159 - 86
11	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113 : 2012
12	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép- Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574-2012
13	Thép cốt bê tông cán nóng	TCVN 1651- 2008
14	Tiêu chuẩn kỹ thuật gỏi cao su cốt bản thép	AASHTOM251-06-UL; ASTMD4014- 03
15	Tiêu chuẩn khe co khe giãn	AASHTO M297 – 96 AASHTO M183 - 96
16	Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu lớp cấp phối đá dăm	TCVN 8859-2023
17	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công. Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4252 - 1988
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 51:2024/BGTV
19	Quy trình thi công công tác đất	TCVN 4447-2012
20	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351 : 2012
21	Đất xây dựng. Các phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN4195:2012 đếnTCVN 4202:2012
22	Quy trình thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22 TCN 355 - 2006
23	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 333-06
24	Thí nghiệm xác định CBR cho đất, cấp phối đá dăm trong phòng thí nghiệm	22 TCN 332-06
25	Cốt liệu dùng cho bê tông và vữa	TCVN 7572 : 2006
26	Đất xây dựng-phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN9153:2012
27	Các tiêu chuẩn, qui chuẩn Việt Nam liên quan đến xây dựng	theo các tiêu chuẩn Việt Nam TCVN hiện hành

c) Quy mô kỹ thuật chủ yếu

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Nền, mặt đường BTXM.		Đoạn từ Km4+251,00 đến Km4+560m (L=309,39m)
1	Cấp đường	Loại	Đường cấp B
2	Tải trọng trục thiết kế	Kg/trục	2.500
3	Tốc độ thiết kế	Km/h	15-:-20
4	Chiều dài tuyến	m	309.39
5	Bề rộng nền đường	m	4.0
6	Bề rộng mặt đường	m	3.0
7	Bề rộng lề đường	m	0.5*2=1.0
8	Dốc ngang mặt đường	%	2.0
9	Dốc ngang lề đường	%	4.0
10	Dốc dọc tối đa tuyến chính	%	15% <13% (đoạn cục bộ từ Km4+245-:-Km4+300.31m)
11	Bán kính cong nằm tối thiểu	Rmin	15m
12	Kết cấu mặt đường BTXM	Loại	Đá 1x2, M250, dày 18cm
13	Móng cấp phối đá dăm loại B	Loại	Dày 12cm
14	Lớp đất nền đầm chặt	Loại	K ≥ 0,95
15	Gia cố lề BTXM đoạn gia cố rãnh dọc BTXM		Đá 1x2, M200, dày 15cm
II	Nền đường đất	Đoạn	Từ Km0+892.15 -:- Km0+915.13m (L=22.98m)
III	Rãnh dọc (bên trái tuyến)	Đoạn	Từ Km4+308.31 -:- Km4+382.89; Km4+389.14-:-Km4+494.34 và đoạn từ Km4+500.34-:- Km4+560.85m)
16	Gia cố rãnh dọc BTXM	Loại	Đá 1x2, M200, dày 12cm
IV	Thoát nước ngang		
17	Cống D100cm		Km4+308,31m
18	Cống D100cm		Km4+382,89m
19	Tải trọng thiết kế:	Loại	H30-X80
20	Tần xuất thiết kế	%	P=10
21	Ống cống tròn bằng bê tông cốt thép	Loại	Đá 1x2, M200
22	Móng cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, đáy hố thu bằng bê tông	Loại	Đá 4x6, M150
23	Đệm móng cống, tường đầu, tường cánh, sân cống, đáy hố thu.	Loại	dăm sạn dày 10cm
24	Tường đầu, tường cánh, tường hố thu bằng bê tông	Loại	Đá 2x4, M150

TT	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
25	Gia cố chống xói hạ lưu bằng rọ đá	Loại	KT(2x1x0,5)m

8. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình:

a) Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức khảo sát, thiết kế xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn thiết kế và xây dựng Đại Ngân; Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng: 00039829.

b) Năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Dũng Khôi. Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng DOT-00057360 do sở xây dựng Đồng Tháp cấp ngày 10/9/2021.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn.

a) Số bước thiết kế: 01 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000.
- Quy phạm khảo sát và tính toán thủy văn 22TCN – 2000.
- Quy trình khảo sát địa chất vùng sụt trượt 22TCN 220 – 95.
- Tiêu chuẩn tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013.
- Quy phạm đo vẽ địa hình theo tiêu chuẩn ngành 96TCN 43 – 90.
- Quy trình khoan thăm dò địa chất TCVN 9437:2012.
- Công tác trắc địa trong xây dựng – yêu cầu chung TCVN 9398 – 2012.
- Đường ô tô - yêu Cầu thiết kế: TCVN 4054 – 2005.
- Qui trình thiết kế áo đường cứng 22TCN 223 – 95.
- Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô (Phần nút giao): 22TCN 273 – 01.
- Qui trình thiết kế 22TCN 18 – 79 (Áp dụng cho công dưới đường ô tô).
- Tiêu chuẩn thiết kế vải địa kỹ thuật 22TCN 248 – 98.
- Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép TCVN 5574:2012.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 51/2024/TT-BGTVT.

- Qui trình kỹ thuật thi công và nghiệm thu lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô TCVN 8859:2011.

- TCVN 4447 - 2012: Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.

- Và một số các quy trình, quy phạm khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư được phê duyệt là: **1.056.000.000đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu đồng chẵn.)

Trong đó:

Khoản mục chi phí xây dựng	Giá trị dự toán được phê duyệt (đồng)	Ghi chú
1- Chi phí xây dựng.	890.787.635	

2- Chi phí Quản lý dự án.	26.937.418	
3- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.	107.042.892	
4- Chi phí khác.	8.746.169	
5- Chi phí dự phòng.	22.485.886	
Tổng chi phí đầu tư xây dựng	1.056.000.000	

11. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

12. Nguồn vốn đầu tư: Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Ba Tơ (*Ngân sách Trung ương, Tỉnh và ngân sách huyện*);

13. Hình thức quản lý dự án được áp dụng: Thuê tư vấn Quản lý dự án.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, Chủ tịch UBND xã Ba Nam thực hiện các kiến nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại thông báo số 146/TB-KT&HT ngày 05/6/2025 và triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo chất lượng, tiến độ và sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính – Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Ba Nam; Thủ trưởng Phòng giao dịch số 22 - Kho bạc Nhà nước khu vực XII và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT. KTHT (*Giang*).

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam